

BẢN KÊ KHAI TÀI SẢN, THU NHẬP HÀNG NĂM⁽¹⁾
(Ngày 09 tháng 12 năm 2025)⁽²⁾

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Lê Thị Hồng Vinh Ngày tháng năm sinh: 07/07/1979
- Chức vụ/chức danh công tác: Phó Hiệu trưởng
- Cơ quan/đơn vị công tác: Trường THCS Lý Tự Trọng
- Nơi thường trú: 35/18 đường 10 tháng 3, thôn Bình Phước, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân⁽³⁾: 049179001912 ngày cấp: 22/04/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

2. Vợ hoặc chồng của người kê khai tài sản, thu nhập

- Họ và tên: Nguyễn Văn Hoàng Ngày tháng năm sinh: 10/11/1975
- Nghề nghiệp: Công nhân điện
- Nơi làm việc⁽⁴⁾: Đội quản lý điện Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng
- Nơi thường trú: 35/18 đường 10 tháng 3, thôn Bình Phước, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 049075001817 ngày cấp: 22/04/2021 nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3. Con chưa thành niên (con đẻ, con nuôi theo quy định của pháp luật)

3.1. Con thứ nhất:

- Họ và tên: Nguyễn Lê Trần. Ngày tháng năm sinh: 20/03/2008
- Nơi thường trú: 35/18 đường 10 tháng 3, thôn Bình Phước, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng
- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: 049308007962 ngày cấp 24/06/2022 nơi cấp Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

3.2. Con thứ hai (trở lên): Kê khai tương tự như con thứ nhất.

- Họ và tên: Nguyễn Lê Thành. Ngày tháng năm sinh: 21/03/2015
- Nơi thường trú: 35/18 đường 10 tháng 3, thôn Bình Phước, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng

- Số căn cước công dân hoặc giấy chứng minh nhân dân: Mã định danh: 049215007507

II. THÔNG TIN MÔ TẢ VỀ TÀI SẢN⁽⁵⁾

1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất⁽⁶⁾: đất đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

1.1. Đất ở⁽⁷⁾: Đất được sử dụng vào mục đích để ở

1.1.1. Thừa thứ nhất:

- Địa chỉ⁽⁸⁾: 35/18 đường 10 tháng 3, thôn Bình Phước, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng
- Diện tích⁽⁹⁾: 101,2 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 55.000.000 đồng

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng⁽¹¹⁾: Số AN 646987, ngày cấp: 13/02/2009, nơi cấp: UBND huyện Tiên Phước, Người được cấp: Lê Thị Hồng Vinh, Nguyễn Văn Hoàng

- Thông tin khác (nếu có)⁽¹²⁾: Không có

1.1.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Không có.

1.2. Các loại đất khác⁽¹³⁾: Không có

1.2.1. Thừa thứ nhất:

- Loại đất:..... Địa chỉ:

 

- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sử dụng:
- Thông tin khác (nếu có):
- 1.2.2. Thừa thứ 2 (trở lên): Kê khai tương tự như thừa thứ nhất.
- 2. Nhà ở, công trình xây dựng:
- 2.1. Nhà ở:
- 2.1.1. Nhà thứ nhất:
- Địa chỉ: 35/18 đường 10 tháng 3, thôn Bình Phước, xã Tiên Phước, thành phố Đà Nẵng
- Loại nhà⁽¹⁴⁾: Nhà cấp 3
- Diện tích sử dụng⁽¹⁵⁾: 101,2 m²
- Giá trị⁽¹⁰⁾: 1.000.000.000 đồng
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu: Số AN 646987, ngày cấp: 13/02/2009, nơi cấp: UBND huyện Tiên Phước, Người được cấp: Lê Thị Hồng Vinh, Nguyễn Văn Hoàng
- Thông tin khác (nếu có):
- 2.1.2. Nhà thứ 2 (trở lên): Không có
- 2.2. Công trình xây dựng khác⁽¹⁶⁾: Không có
- 2.2.1. Công trình thứ nhất: Không có
- Tên công trình:..... Địa chỉ:
- Loại công trình:..... Cấp công trình:
- Diện tích:
- Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Giấy chứng nhận quyền sở hữu:
- Thông tin khác (nếu có):
- 2.2.2. Công trình thứ 2 (trở lên): Không có
- 3. Tài sản khác gắn liền với đất⁽¹⁷⁾: Không có
- 3.1. Cây lâu năm⁽¹⁸⁾: Không có
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại cây:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.2. Rừng sản xuất⁽¹⁹⁾: Không có
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Loại rừng:..... Diện tích:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 3.3. Vật kiến trúc khác gắn liền với đất: Không có
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- Tên gọi:..... Số lượng:..... Giá trị⁽¹⁰⁾:
- 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên⁽²⁰⁾: Không có
- 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên⁽²¹⁾: Không có
- 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): Không có
- 6.1. Cổ phiếu: Không có
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên cổ phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- 6.2. Trái phiếu: Không có
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- Tên trái phiếu:..... Số lượng:..... Giá trị:
- 6.3. Vốn góp⁽²²⁾: Không có
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:
- Hình thức góp vốn:..... Giá trị:
- 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác⁽²³⁾: Không có

Handwritten signature and mark

- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
- Tên giấy tờ có giá: Giá trị:.....
7. Tài sản khác mà mỗi tài sản có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên, bao gồm:
- 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...)⁽²⁴⁾:
- Tên tài sản: Ô tô Số đăng ký: 92A25337 Giá trị: 730.000.000 đồng
- 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh, ảnh, các loại tài sản khác)⁽²⁵⁾: Không có
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
- Tên tài sản:..... Năm bắt đầu sở hữu:..... Giá trị:
8. Tài sản ở nước ngoài⁽²⁶⁾: Không có
9. Tài khoản ở nước ngoài⁽²⁷⁾: Không có
- Tên chủ tài khoản:, số tài khoản:
- Tên ngân hàng, chi nhánh ngân hàng, tổ chức nơi mở tài khoản:
10. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai⁽²⁸⁾:
- Tổng thu nhập của người kê khai: 225.600.000 đồng
- Tổng thu nhập của vợ (hoặc chồng): 156.000.000 đồng
- Tổng thu nhập của con chưa thành niên: Đồng
- Tổng các khoản thu nhập chung: Không có

III. BIẾN ĐỘNG TÀI SẢN, THU NHẬP; GIẢI TRÌNH NGUỒN GỐC CỦA TÀI SẢN, THU NHẬP TĂNG THÊM ⁽²⁹⁾ (nếu là kê khai tài sản, thu nhập lần đầu thì không phải kê khai Mục này): Không có biến động

Loại tài sản, thu nhập	Tăng ⁽³⁰⁾ /giảm ⁽³¹⁾		Nội dung giải trình nguồn gốc của tài sản tăng thêm và tổng thu nhập
	Số lượng tài sản	Giá trị tài sản, thu nhập	
1. Quyền sử dụng thực tế đối với đất 1.1. Đất ở 1.2. Các loại đất khác 2. Nhà ở, công trình xây dựng 2.1. Nhà ở 2.2. Công trình xây dựng khác 3. Tài sản khác gắn liền với đất 3.1. Cây lâu năm, rừng sản xuất 3.2. Vật kiến trúc gắn liền với đất 4. Vàng, kim cương, bạch kim và các kim loại quý, đá quý khác có tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên 5. Tiền (tiền Việt Nam, ngoại tệ) gồm tiền mặt, tiền cho vay, tiền trả trước, tiền gửi cá nhân, tổ chức trong nước, tổ chức nước ngoài tại Việt Nam mà tổng giá trị quy đổi từ 50 triệu đồng trở lên. 6. Cổ phiếu, trái phiếu, vốn góp, các loại giấy tờ có giá khác mà tổng giá trị từ 50 triệu đồng trở lên (khai theo từng loại): 6.1. Cổ phiếu 6.2. Trái phiếu 6.3. Vốn góp 6.4. Các loại giấy tờ có giá khác			

Đu *reur*

7. Tài sản khác có giá trị từ 50 triệu đồng trở lên: 7.1. Tài sản theo quy định của pháp luật phải đăng ký sử dụng và được cấp giấy đăng ký (tàu bay, tàu thủy, thuyền, máy ủi, máy xúc, ô tô, mô tô, xe gắn máy...) 7.2. Tài sản khác (đồ mỹ nghệ, đồ thờ cúng, bàn ghế, cây cảnh, tranh ảnh, các loại tài sản khác). 8. Tài sản ở nước ngoài. 9. Tổng thu nhập giữa hai lần kê khai ⁽³²⁾ .			
		+ 381.000.000	Thu nhập từ lương

Tiên Phước ngày *29* tháng *12* năm *2025*
NGƯỜI NHẬN BÀN KÊ KHAI
 (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ/chức danh)

Quỳnh
Bùi Thị Xuyên

Tiên Phước, ngày *29* tháng *12* năm *2025*
NGƯỜI KÊ KHAI TÀI SẢN

Leur
Lê Thị Hồng Vinh

Leur